

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án giao đất tái định cư và điều chỉnh giao đất tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình và Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 21/3/2023; Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 17/5/2023, Quyết định số 3549/QĐ-UBND ngày 25/9/2023, Quyết định số 3834/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể tại các Khu dân cư, khu tái định cư để tính thu tiền sử dụng đất tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.

Căn cứ Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 25/4/2023, Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 12/7/2023, Quyết định số 2799/QĐ-UBND ngày 27/7/2023, Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 28/7/2023, Quyết định số 3021/QĐ-UBND ngày 15/8/2023, Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639),

đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, địa bàn phường Nhơn Bình và phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể tại Khu dân cư phía Đông chùa Bình An để tính thu tiền sử dụng đất tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 352/TTr-STNMT ngày 27/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án giao đất tái định cư và điều chỉnh giao đất tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình và Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Điều chỉnh giao đất tái định cư cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng đã được giao đất trước đây:

a. Thu hồi 14 lô đất tái định cư giao cho 14 hộ gia đình theo các phương án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, cụ thể như sau:

- Thu hồi 06 lô đất, gồm 03 lô đất tại Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An và 03 lô đất tại Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, KV7-8, phường Nhơn Phú đã được phê duyệt tại Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Thu hồi 01 lô đất tại Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An đã được phê duyệt tại Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Thu hồi 03 lô đất, gồm 02 lô đất tại Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An và 01 lô đất tại Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, KV 7-8, phường Nhơn Phú đã được phê duyệt tại Quyết định số 3969/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Thu hồi 01 lô đất tại Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An đã được phê duyệt tại Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Thu hồi 01 lô đất tại Khu dân cư khu vực 4, phường Nhơn Bình đã được phê duyệt tại Quyết định số 4695/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Thu hồi 02 lô đất tại Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An đã được phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo)

b. Giao lại 14 lô đất tái định cư cho 14 hộ gia đình với tổng diện tích là 2.100,68m²; tổng số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp vào ngân sách nhà nước là 19.356.940.000 đồng (chênh lệch giảm 1.643.880.000 đồng, do giảm số tiền sử

dụng đất phải nộp của 01 lô đất đề nghị giao lại của hộ ông Huỳnh Văn Thu, bà Nguyễn Thị Kiều Minh nêu tại điểm 2.1), cụ thể như sau:

- 04 lô đất tái định cư tại Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, khu vực 7-8, phường Nhơn Phú với tổng diện tích là 923,4m²;
- 09 lô đất tái định cư thuộc Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An, phường Nhơn Bình với tổng diện tích là 829,78 m²;
- 01 lô đất tái định cư tại Khu dân cư Khu vực 4, phường Nhơn Bình với diện tích là 347,5m².

(Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo)

2. Giao đất tái định cư cho các hộ gia đình: Giao 06 lô đất tái định cư cho 06 hộ gia đình với tổng diện tích là 861,5m²; tổng số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp vào ngân sách nhà nước là 7.909.069.000 đồng, cụ thể như sau:

- Giao 04 lô đất tái định cư thuộc Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An, phường Nhơn Bình với tổng diện tích là 464 m²;
- Giao 02 lô đất tái định cư tại Khu dân cư Khu vực 4, phường Nhơn Bình với tổng diện tích là 397,5m².

(Chi tiết có Phụ lục 3 kèm theo)

3. Thu hồi lô đất 14-Khu N, đường Đ14, lộ giới 12m tại Khu dân cư phía đông Chùa Bình An đã giao cho hộ ông Nguyễn Sĩ Hiệp, vợ Nguyễn Thị Đông Nhi được phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 07/7/2023, Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 18/8/2023, Quyết định số 3969/QĐ-UBND ngày 27/10/2023, Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 13/11/2023, Quyết định số 4695/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 và Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

Điều 3. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 1

BẢNG TỔNG HỢP THU HỒI CÁC LÔ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QL1D ĐẾN QL19 (MỚI)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Thu hồi các lô đất tái định cư đã giao cho các hộ gia đình đã được UBND tỉnh phê duyệt							
			Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Lô đất, khu, đường, lộ giới	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC (đồng/m ²)	Đơn giá đất ở sát giá thị trường (đồng/m ²)	Hệ số lô góc	Giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)
I	Tại Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh					771,6				5.356.700.000
1	Hồ Văn Tính, bà Nguyễn Thị Kim Lang	Khu vực 8, P. Nhơn Phú	200,0	Lô 16-17, Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhơn Phú	214,0	5.500.000	12.000.000	1,0	1.268.000.000
2	Nguyễn Thị Ôi (chết), cháu Lê Văn Ngân (ĐD)	KV 6, P.Nhơn Phú	200,0	Lô 22-23, Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhơn Phú	214,0	5.500.000	12.000.000	1,0	1.268.000.000
3	Nguyễn Văn Thìn, bà Huỳnh Thị Ngọc Nhơn	KV2, P.Nhơn Bình	92,6	Lô 16-Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	90,0	7.500.000			675.000.000
4	Nguyễn Văn Định, bà Trình Thị Vân	KV2, P.Nhơn Bình	34,2	Lô 14- Khu O-đường Đ12, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000		514.500.000
5	Trương Thị Nghi	Khu vực 8, P. Nhơn Phú	40,0	Lô 11- Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhơn Phú	85,6	5.500.000	12.000.000		767.200.000
6	Đặng Nhơn Hiệp, bà Dương Thị Thanh Lựu	KV 6, P.Nhơn Phú	125,0	Lô 19- Khu E-đường Đ9, rộng 14m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	108,0	8.000.000			864.000.000
II	Tại Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh					180,0				1.454.100.000

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Thu hồi các lô đất tái định cư đã giao cho các hộ gia đình đã được UBND tỉnh phê duyệt							
			Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Lô đất, khu, đường, lộ giới	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC (đồng/m ²)	Đơn giá đất ở sát giá thị trường (đồng/m ²)	Hệ số lô góc	Giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)
1	Trần Thị Thao (chết), con Lê Văn Nghiệp + Lê Văn Cường ĐĐKK	KV2, P.Nhon Bình	175,3	Lô 19- Khu E-đường Đ9, rộng 14m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	180,0	8.000.000	11.000.000		1.454.100.000
III	Tại Quyết định số 3969/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh					353,2				2.292.300.000
1	Trần Thanh Thế, bà Ngô Thị Thanh Phượng	KV 6, P.Nhon Phú	68,1	Lô 13- Khu N, đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	7.500.000	10.000.000		579.750.000
2	Lê Công Hào, bà Thân Thị Thùy Anh	KV 6, P.Nhon Phú	75,7	Lô 5 - Khu O, đường Đ1(BB), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	78,18	7.500.000	10.000.000		592.550.000
3	Nguyễn Ngon	KV 6, P.Nhon Phú	200,0	Lô 3đ-Khu LK4, đường ĐS7, lộ giới 16m	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, KV7-8, P.Nhon Phú	200,0	5.600.000			1.120.000.000
IV	Tại Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh					70,0				287.000.000
1	Trần Thị Đãi	Khu vực 6, P. Nhon Phú	41,3	Lô 6, Khu E, đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	70		10.000.000		287.000.000
V	Tại Quyết định số 4695/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh					253,0				2.751.540.000
1	Nguyễn Tấn Hay, bà Trần Thị Cẩm	Khu vực 6, P. Nhon Phú	204,1	Lô 7, Khu OLK-04, đường ĐS1, lộ giới 16m	Khu dân cư khu vực 4, phường Nhon Bình	253	8.000.000	13.500.000	1,2	2.751.540.000
VI	Tại Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2024					120,0				1.200.000.000

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Thu hồi các lô đất tái định cư đã giao cho các hộ gia đình đã được UBND tỉnh phê duyệt							
			Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Lô đất, khu, đường, lộ giới	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC (đồng/m ²)	Đơn giá đất ở sát giá thị trường (đồng/m ²)	Hệ số lô góc	Giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)
1	Lưu Trọng Ngọc, bà Trần Thị Hà	Khu vực 3, P.Nhon Bình		Lô 15- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0		10.000.000		600.000.000
2	Trần Thị Mai Loan, Mai Thị Tuyết Nhung	Khu vực 2, P.Nhon Bình		Lô 12- Khu O-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0		10.000.000		600.000.000
Tổng cộng						1.747,8				13.341.640.000

PHỤ LỤC 2

G TỔNG HỢP GIAO LẠI CÁC LÔ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH DO C

DỰ ÁN: TUYỂN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QL1D ĐẾN QL19 (MỚI)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Lô đất tái định cư được giao				Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất ở thị trường để thu tiền sử dụng đất phần diện tích giao vượt (đồng/m ²)	Hệ số lô góc	Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (đồng)
				Lô số, khu	Đường (lộ giới)	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)						
1	Hồ Văn Tính, vợ Nguyễn Thị Kim Lang	Khu vực 8, P. Nhơn Phú	200,0	Lô 29-30, Khu LK1	đường ĐS5, lộ giới 20m	Khu dân cư khu vực 7-8, phường Nhơn Phú	256,8	200,0	6.400.000	56,8	12.800.000		2.007.040.000
2	Nguyễn Thị Ôi (chết), cháu Lê Văn Ngàn (ĐD)	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	200,0	Lô 11-12, Khu LK3	đường ĐS7, lộ giới 16m	Khu dân cư khu vực 7-8, phường Nhơn Phú	260,0	200,0	5.600.000	60,0	11.200.000	1,2	2.150.400.000
3	Nguyễn Văn Thìn, vợ Huỳnh Thị Ngọc Nhơn	Khu vực 2, P. Nhơn Bình	92,6	Lô 18, Khu O	đường Đ9, lộ giới 14m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, P.Nhơn Bình	98,8	92,6	8.000.000	6,2	11.000.000	1,2	970.800.000
4	Nguyễn Văn Định, vợ Trình Thị Vân	Khu vực 2, P. Nhơn Bình	34,2	Lô 52, Khu N	đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, P.Nhơn Bình	62,0	34,2	7.500.000	27,8	10.000.000		534.500.000
5	Trương Thị Nghi	Khu vực 8, P. Nhơn Phú	40,0	Lô 31, Khu LK1	đường ĐS5, lộ giới 20m	Khu dân cư khu vực 7-8, phường Nhơn Phú	85,6	40,0	6.400.000	45,6	12.800.000		839.680.000
6	Đặng Nhơn Hiệp, vợ Dương Thị Thanh Lựu	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	125,0	Lô 5-6, Khu N	đường Đ9, rộng 14m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, P.Nhơn Bình	113,80	113,80	8.000.000			1,2	1.092.480.000

7	Trần Thị Thao (chết), con Lê Văn Nghiệp + Lê Văn Cường ĐDKK	Khu vực 2, P. Nhơn Bình	175,3	Lô 17, Khu N	đường Đ14, lộ giới 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, P.Nhơn Bình	180,0	175,3	7.500.000	4,7	10.000.000		1.361.750.000
8	Trần Thanh Thế, vợ Ngô Thị Thanh Phượng	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	68,1	Lô 12, Khu O	đường Đ14, lộ giới 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, P.Nhơn Bình	75,0	68,1	7.500.000	6,9	10.000.000		579.750.000
9	Lê Công Hào, vợ Thân Thị Thùy Anh	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	75,7	Lô 16, Khu N	đường Đ14, lộ giới 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, P.Nhơn Bình	90,0	75,7	7.500.000	14,3	10.000.000		710.750.000
10	Nguyễn Ngon	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	200,0	Lô 27-38, Khu LK1	đường ĐS5, lộ giới 20m	Khu dân cư khu vực 7-8, phường Nhơn Phú	321,0	200,0	6.400.000	121,0	12.800.000		2.828.800.000
11	Trần Thị Đãi	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	41,30	Lô 5 - Khu O	đường Đ1(BB), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, P.Nhơn Bình	78,18	41,30	7.500.000	36,88	10.000.000		678.550.000
12	Nguyễn Tấn Hay, bà Trần Thị Cẩm	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	204,1	Lô 7-8, Khu OLK-04	đường ĐS1, lộ giới 16m	Khu dân cư khu vực 4, phường Nhơn Bình	347,5	204,1	8.000.000	143,4	13.500.000	1,2	4.282.440.000
13	Lưu Trọng Ngọc, bà Trần Thị Hà	Khu vực 3, P.Nhơn Bình		Lô 6 - Khu E	đường Đ1(BB), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, P.Nhơn Bình	70,0			70,00	10.000.000		700.000.000
14	Trần Thị Mai Loan, Mai Thị Tuyết Nhung	Khu vực 2, P. Nhơn Bình		Lô 3- Khu O	đường Đ1(BB), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, P.Nhơn Bình	62,0			62,00	10.000.000		620.000.000
Tổng cộng			1.456,3				2.100,7	1.445,1		655,6			19.356.940.000

PHỤ LỤC 3

BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CHO CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB

Dự án: Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tổng DT thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)				Đất tái định cư được giao				Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất ở thị trường để thu tiền sử dụng đất phần diện tích giao vượt (đồng/m ²)	Hệ số góc	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
				Đất ở (m ²)	Đất vườn (m ²)	DT không bồi thường (m ²)	Tổng (m ²)	Lô đất, khu	đường, lộ giới	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)						
I	Giải tỏa trắng		554,1	456,9	25,9	71,3	554,1				520,5	456,9		63,6			4.444.244.000
1	Ngô Văn Mạnh, vợ Nguyễn Thị Qua	Khu vực 6, P.Nhon Phú Qua	130,4	130,40			130,40	Lô 11- Khu OLK-04	đường Gom, lộ giới 10m	Khu dân cư Khu vực 4, P.Nhon Bình	146,5	130,4	6.500.000	16,1	11.000.000		1.024.700.000
2	Lê Ngọc Tài	Khu vực 2, P.Nhon Bình	37,4	26,30		11,10	37,40	Lô 14, Khu E	đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, P.Nhon Bình	59,0	26,3	7.500.000	32,7	10.000.000	1,2	629.100.000
3	Nguyễn Du (chết), Vợ Nguyễn Thị Ngại	Khu vực 2, P.Nhon Bình	194,1	168,21	25,89		194,10	Lô 1+2, Khu O	đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	180,0	168,21	8.000.000	11,79	11.000.000	1,2	1.770.444.000
4	Phạm Văn Út, vợ Lê Thị Diệp	Khu vực 3, P.Nhon Bình	192,2	132,00		60,20	192,20	Lô 8, Khu N	đường Đ14, lộ giới 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	135,0	132,0	7.500.000	3,0	10.000.000		1.020.000.000
II	Giải tỏa một phần		1.320,6	239,4	31,9	0,0	271,3				341,0	78,47		262,53			3.464.825.000
1	Ngô Văn Mạnh, vợ Nguyễn Thị Qua	Khu vực 6, P.Nhon Phú Qua	123,1	50,70			50,7	Lô 12- Khu OLK-04	đường Gom, lộ giới 10m	Khu dân cư Khu vực 4, P.Nhon Bình	251,0			251,0	11.000.000		2.761.000.000
			161,1	42,80	11,10		53,9										
			121,3	35,20			35,2										
			161,4	32,20			32,2										
2	Đặng Nhon Hiệp, vợ Dương Thị Thanh Lựu	Khu vực 6, P. Nhon Phú	753,7	78,47	20,83		99,3	Lô 7, Khu N	đường Đ14, lộ giới 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	90,0	78,47	7.500.000	11,53	10.000.000		703.825.000
Tổng cộng			1.874,7	696,3	57,8	71,3	825,4				861,5	535,4		326,1			7.909.069.000